

Số: 63/2024/QĐST-HNGĐ

Sìn Hồ, ngày 22 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ khoản 2 Điều 149 và các Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 106/2024/TLST - HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Tân A S**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: **Khu E thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu.**

- Chị **Tân Diễm M**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: **Khu E thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 8 năm 2024 người yêu cầu anh **Tân A S** và chị **Tân Diễm M** thỏa thuận như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: anh **Tân A S** và chị **Tân D** Mẫy kết hôn với nhau vào ngày 17/7/2012 tại **UBND xã T, huyện S, tỉnh Lai Châu** là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Cuộc sống vợ, chồng sau khi kết hôn hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2017 thì bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, tranh cãi với nhau về chuyện tình cảm,

hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình. Vợ, chồng anh **S** và chị **M** đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian vợ, chồng sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, tình cảm vợ, chồng không còn. Trong quá trình giải quyết việc dân sự anh **S** và chị **M** không đưa ra biện pháp gì để cải thiện cuộc sống chung của vợ, chồng. Sau khi thụ lý tòa án tổ chức tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, anh **S** và chị **M** đều thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Điều đó chứng tỏ vợ, chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ, chồng không thể kéo dài. Vì vậy căn cứ khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh **S** và chị **M**.

[2]. Về con chung: Anh **Tân S** và chị **Tân Diễm M** thỏa thuận, thống nhất: Anh **Tân A** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là **Tân Thu N**, sinh ngày 10/8/2011 cho đến khi **T** Thu Nguyễn trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị **Tân Diễm M** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung **Tân Thị Huyền T1**, sinh ngày 08/9/2013 cho đến khi **Tân Thị Huyền T1** trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn không được ai cản trở.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh **T A S** và chị **Tân D** Mây không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, khoản nợ chung: anh **T A S** và chị **Tân D** Mây không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: anh **Tân A S** và chị **Tân Diễm M** thỏa thuận thống nhất chị **Tân Diễm M** là người chịu toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Kết quả hòa giải đoàn tụ không thành, anh **Tân A S** và chị **Tân D** Mây thuận tình ly hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 7, quyển số: 1, ngày 17/7/2012 tại **UBND xã T, huyện S, tỉnh Lai Châu**.

- Về con chung: Anh **Tân S** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là **Tân Thu N**, sinh ngày 10/8/2011 cho đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi, chị **Tân Diễm M** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục là **Tân Thị Huyền T1**, sinh ngày 08/9/2013 cho đến khi cháu **T1** đủ 18 tuổi. Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn không được ai cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh **T A S** và chị **Tân D** Mây không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, khoản nợ chung: anh **T A S** và chị **Tân D** Mây không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh **Tân A S** và chị **Tân Diên M** thỏa thuận, thống nhất: Toàn bộ lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sẽ do chị **Tân Diên M** nộp. Vậy chị **Tân Diên M** phải nộp lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự là 300.000 và được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Tòa án mà chị **Tân Diên M** đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án; Ký hiệu: BLTU/23, số: 0000635, ngày 23/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Toà án tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- CCTHADS huyện Sìn Hồ;
- UBND xã Tả Phìn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Mạnh Trang